

THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VÙNG DU LỊCH BẮC TRUNG BỘ

NGUYỄN QUYẾT THẮNG* & NGUYỄN VĂN HOÁ**

Du lịch sinh thái (DLST) được đánh giá là loại hình tăng trưởng nhanh nhất trong các loại hình du lịch, đem lại nguồn thu đáng kể cho nhiều quốc gia trong những năm gần đây. Tuy nhiên, DLST có khả năng nhưng không tất yếu là một hình thức của du lịch bền vững, bởi có thể gặp phải sự phản đối của cộng đồng địa phương. Từ thực tế trên, nghiên cứu đã tiếp cận đến một khía cạnh mới đó là phát triển DLST dựa vào cộng đồng. Bằng phương pháp tổng hợp, nghiên cứu tài liệu và phương pháp thống kê, bài viết đúc kết một số kinh nghiệm phát triển DLST dựa vào cộng đồng trên thế giới, phân tích hoạt động DLST của Vùng du lịch Bắc Trung Bộ (VDLBTB) và đề xuất các giải pháp phát triển DLST dựa vào cộng đồng, giúp hoạt động DLST của VDLBTB trở nên bền vững hơn.

Từ khóa: Thực tiễn phát triển; du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng; Vùng du lịch Bắc Trung Bộ.

1. Giới thiệu

Cùng với sự phát triển của xã hội và trào lưu du lịch trên thế giới, DLST ngày càng phát triển cả về mặt nội dung lẫn hình thức, đem lại nguồn thu đáng kể cho nhiều quốc gia. Năm 2002 chỉ riêng tại Mỹ, DLST đã đem lại khoảng 77 tỉ USD (LOHAS, 2005). Từ đầu những năm 90 của thế kỷ 20, DLST là loại hình phát triển nhanh nhất trong ngành công nghiệp du lịch, với tốc độ phát triển tăng khoảng 20% đến 34%/năm (TIES, 2006). Tuy nhiên, đứng trước nguy cơ ảnh hưởng môi trường cho các khu thiên nhiên, khu bảo tồn do có quá nhiều du khách tham quan; vấn đề phát triển DLST được đặt ra và nhìn nhận lại đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Vì vậy, ngày nay DLST được hiểu trên cơ sở kết hợp cả sự quan tâm tới thiên nhiên và trách nhiệm xã hội: "Du lịch sinh thái là du lịch có trách nhiệm với các khu thiên nhiên, là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương" (Hiệp hội DLST thế giới - TIES). Còn nhiều vấn đề cần thảo luận về DLST, tuy nhiên có một điều chắc chắn rằng: Du lịch sinh thái đúng nghĩa không đồng nghĩa với du lịch tự nhiên, du lịch đại chúng (Masstourist). Kinh nghiệm triển khai nhiều dự án trên thế giới đã

chỉ ra một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho DLST không bền vững, đó là sự phản đối của cộng đồng địa phương. Do DLST không đem lại lợi ích đáng kể cho họ. Để đảm bảo cho DLST có thể hoàn thành cả hai mục tiêu: bảo tồn và phát triển lâu dài, các nhà nghiên cứu đã tiếp cận đến một khía cạnh mới đó là: "Phát triển DLST dựa vào cộng đồng" (gọi tắt là du lịch sinh thái cộng đồng). Đây cũng là xu hướng khá phổ biến trong việc tổ chức triển khai các dự án DLST trên thế giới ngày nay.

Trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch VN giai đoạn 1995 – 2010 và chiến lược phát triển du lịch VN giai đoạn 2000 – 2010, VDLBTB được xem là một trong ba vùng du lịch trọng điểm của cả nước (kéo dài từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi). Đây là vùng du lịch có tiềm năng và thế mạnh để phát triển hoạt động DLST với nguồn tài nguyên tự nhiên đa dạng, phong phú, lại có đầy đủ các dạng địa hình được phân bố trên một không gian hẹp. Thực tế trong những năm qua, hoạt động DLST ở nhiều địa phương trong VDLBTB rất khởi sắc. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc phát triển hoạt động DLST theo đánh giá vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của Vùng và đã bắt đầu bộc lộ những yếu kém,

* ThS., NCS Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội
Email: thangnq1972@yahoo.com

** TS., Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM
Email: hoanguyen1212@yahoo.com.vn

gây tác động xấu đến môi trường, cảnh quan. Do vậy, nhằm thúc đẩy sự phát triển DLST bền vững thì việc nghiên cứu và đề ra các giải pháp phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại VDLBTB là rất cần thiết. Đã có một số nghiên cứu liên quan về vấn đề này tại VN như của Trần Thị Mai (2005), Tăng Thị Duyên Hồng (2007), Nguyễn Quyết Thắng (2010) và các nghiên cứu phát triển DLST cộng đồng tại các điểm tài nguyên tự nhiên. Tuy nhiên, các nghiên cứu trên chủ yếu đi vào giới thiệu hoặc khái quát hoạt động DLST cộng đồng tại một số điểm tài nguyên tự nhiên hay kinh nghiệm của một quốc gia cụ thể. Chưa có một nghiên cứu nào nhằm tổng hợp thực tiễn phát triển DLST cộng đồng trên thế giới một cách có hệ thống và khảo sát đánh giá thực trạng nhằm đưa ra đề xuất phát triển DLST cộng đồng tại VDLBTB. Chính vì vậy, trong nghiên cứu này tác giả cố gắng tổng hợp, phân tích thực tiễn, đánh giá một số thực trạng chủ yếu nhằm đưa ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp để phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại VDLBTB.

2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Về dữ liệu nghiên cứu: Bài viết sử dụng số liệu thứ cấp được lấy từ kinh nghiệm triển khai DLST cộng đồng trên thế giới và số liệu từ các địa phương trong VDLBTB cùng một số nguồn khác. Nguồn số liệu sơ cấp từ nhiều cuộc điều tra trong năm 2010 và đầu năm 2011 gồm: Điều tra không lập lại du khách tại 12 điểm tài nguyên có hoạt động DLST phát triển gồm: khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng, Bạch Mã – Lăng Cô, các khu vực biển tại Đà Nẵng, Quảng Nam và một số điểm tài nguyên khác trong vùng. Số phiếu được tính theo công

thức:
$$n = \frac{Ns^2 \times Z^2}{N \times \Delta^2 x + s^2 \times Z^2}$$
 (Trong đó: N: Lượng

khách dự kiến thời điểm điều tra; độ tin cậy = 95%; Δx trong phạm vi cho phép = 5%; s: là độ lệch chuẩn). Số lượng mẫu được điều tra thực tế là 1.600 mẫu, sau khi loại đi những mẫu hỏng còn lại là 1.216 mẫu (lớn hơn mẫu tính theo công thức trên là 542 mẫu), trong đó có 468 mẫu khách quốc tế (Nguyễn Quyết Thắng, 2011). Điều tra hộ là 248 mẫu, chủ yếu là cộng đồng quanh một số điểm tài nguyên tự nhiên: VQG Phong Nha; biển Cảnh Dương (54 mẫu), biển Cửa Tùng, Cửa Việt (32 mẫu), VQG Bạch Mã, biển Lăng Cô (62 mẫu), biển Non Nước, Ngũ Hành Sơn (44 mẫu); Cửa Đại – Quảng Nam (34 mẫu); biển Mỹ

Khê (22 mẫu). Phòng vẫn nhanh với 16 chuyên gia, cán bộ quản lý du lịch, quản lý điểm tài nguyên tự nhiên và doanh nghiệp du lịch và điều tra, khảo sát 12 khu du lịch tại các điểm tài nguyên tự nhiên và 8 đơn vị lữ hành có khai thác các chương trình DLST khá mạnh trong vùng (chiếm thị phần khoảng 52,9% lượng khách DLST đến vùng năm 2009) gồm Công ty TNHH lữ hành Hương Giang; Công ty cổ phần du lịch VN tại Huế và Đà Nẵng; Trung tâm lữ hành – Công ty du lịch Xanh Huế; Công ty du lịch Nhân Thắng; Công ty du lịch VietCircle; Chi nhánh công ty lữ hành Saigon Tourist tại Huế và Đà Nẵng

Về phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong bài viết là phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tài liệu kết hợp với phương pháp thống kê được sử dụng trong việc chọn địa điểm nghiên cứu, chọn mẫu điều tra, lựa chọn tiêu chí phân tích.

3. Thực tiễn phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng trên thế giới

3.1. Xây dựng các chính sách cho DLST hướng đến cộng đồng

Hầu hết các quốc gia đều coi đây là công tác nền tảng nhằm triển khai các mặt hoạt động khác. Ở Australia, chiến lược quốc gia về phát triển du lịch bền vững (*National Strategy for Sustainable Development*) và các chương trình DLST quốc gia được khởi thảo năm 1992, trong đó có rất nhiều điểm nhằm tạo cơ hội cho người dân bản xứ tham gia. Tại Indonesia, các tổ chức như Tổng cục Bảo vệ thiên nhiên và Bảo tồn (*Dirjen Perlindungan dan Konservasi Alam*), Bộ Lâm nghiệp và Trồng rừng, Bộ Du lịch và Nghệ thuật, các ban phát triển ở các địa phương (*Dirjen Pembangunan Daerah*), Hiệp hội DLST Indonesia (*Masyarakat Ekowisata Indonesia - viết tắt là MEI*) cũng như các tổ chức phi chính phủ đã tham gia vào việc thiết lập các “nguyên tắc chỉ đạo” cho sự phát triển của DLST ở Indonesia. Trong 5 nguyên tắc chính nhằm phát triển DLST tại Indonesia thì có 3 nguyên tắc quan trọng gắn kết DLST với cộng đồng đó là: (1) Liên quan đến cộng đồng địa phương; (2) mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng bị ảnh hưởng trực tiếp nhất bởi hoạt động du lịch; và (3) bảo tồn các giá trị văn hóa - xã hội và tôn giáo của cộng đồng địa phương (Anak Agung Gde Raka Dalem, 2002). Ngoài ra, những hướng dẫn

chung cho sự phát triển của DLST ở cấp chính quyền địa phương tại Indonesia đã được xuất bản ngày 28/4/2000, trong đó những tiêu chí phát triển DLST dựa vào cộng đồng rất được coi trọng. Cục Quản lý tác động môi trường (viết tắt BAPEDAL) được thành lập cũng đã đề ra nhiều chính sách và phát triển một số chương trình DLST gắn với cộng đồng để làm mẫu.

3.2. Triển khai các quy hoạch DLST gắn với cộng đồng

Việc triển khai các quy hoạch DLST gắn với cộng đồng được coi là khâu quan trọng nhằm đảm bảo cho cộng đồng có thể tiếp cận và hưởng lợi ích từ DLST. Tại dự án Khu bảo tồn Annapurna (ACAP) - Nepal được thiết lập nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của du lịch, bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường. Trong dự án này, cộng đồng địa phương đã được tham gia ngay từ khâu quy hoạch DLST, họ được tham khảo và góp ý trong quá trình ra quyết định. Dự án ACAP được đánh giá là rất thành công trong việc đạt được các mục tiêu đề ra. Riêng cộng đồng người Huaorani – nhóm người bản xứ Amazon sống xung quanh công viên quốc gia Yasuni tại Ecuador, một khu dự trữ sinh quyển đã được UNESCO công nhận; người ta đã triển khai quy hoạch DLST gắn với cộng đồng rất chặt chẽ. Một loạt các cuộc họp về quy hoạch và định hướng có sự tham gia của cộng đồng đã bao quát nhiều vấn đề: từ những quan điểm về DLST và bảo vệ môi trường, đến quản lý và phân phối thu nhập, đào tạo và các vấn đề khác v.v..

3.3. Triển khai các chương trình đào tạo DLST cho cộng đồng

Thực tiễn triển khai DLST dựa vào cộng đồng trên thế giới đã chỉ ra vai trò quan trọng của việc đào tạo cho cộng đồng địa phương. Điều này sẽ giúp cho cộng đồng có thể tham gia và hưởng lợi từ DLST. Trong nguyên tắc đặt ra cho chiến lược phát triển DLST tại Thái Lan, yêu cầu về giáo dục đào tạo đã được đề cập tại tiêu chí thứ ba: “DLST phải đẩy mạnh phát triển giáo dục và tạo ra các nhận thức để duy trì hệ sinh thái của khu vực, thay vì chỉ khai thác tăng trưởng kinh tế” (Vunsadet Thavarasukha, 2002). Hầu hết các dự án thành công trên thế giới đều cho thấy vai trò quan trọng của giáo dục cộng đồng. Như cộng đồng người Huaorani của

Quehuero'ono (Ecuador) đã được đào tạo để chuyển giao kỹ thuật rất tốt. Dưới sự hỗ trợ của một công ty có tên: “Các phiêu lưu sinh thái TROPIC”. Trong giai đoạn đầu, TROPIC đã nhờ một người nấu ăn từ bên ngoài cộng đồng đào tạo người Huaorani chế biến thức ăn, sau cùng người Huaorani sẽ đảm nhận công việc (Andy Drumm, 1998). Ngoài ra, cộng đồng còn được đào tạo tại các kiến thức về bảo vệ tài nguyên môi trường, ngoại ngữ, đào tạo nghề v.v..

3.4. Thiết lập các mô hình quản lý phù hợp

Để triển khai tốt hoạt động DLST cộng đồng thì cần phải có mô hình quản lý phù hợp. Đây cũng là mặt công tác mà chúng ta còn rất “lúng túng”, chưa có kinh nghiệm. Qua việc nghiên cứu các mô hình quản lý DLST cộng đồng, tác giả thấy việc triển khai các mô hình đều hướng đến một trong hai khía cạnh: (1) Tiếp cận sự tham gia (Participatory approach): tức cộng đồng được trao quyền trong việc ra quyết định và được hưởng lợi ích từ DLST; và (2) tiếp cận lợi ích (Beneficial approach): cộng đồng được chia sẻ lợi ích nhưng hạn chế được trao quyền.

Tại dự án phát triển DLST ở Vườn quốc gia (VQG) Gunung Halimud (Tây Java - Indonesia), với mục tiêu phát triển bảo tồn và sử dụng bền vững tính đa dạng sinh học trên cơ sở trao quyền cho cộng đồng địa phương. Người ta đã thành lập một tổ chức cộng đồng địa phương (KSM). KSM có một hội đồng các ủy viên (gồm đại diện các làng nghề, địa phương của chính phủ, phi chính phủ, và đại diện VQG). Trong đó một ban điều hành gồm: một nhà lãnh đạo (ketua), thư ký, thủ quỹ... được lập ra để điều hành hoạt động. Kiểu hoạt động này giống như hợp tác xã ở VN. KSM cùng với các tổ chức khác đã tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường thông qua việc tuyên truyền cho du khách và cộng đồng bằng các tài liệu quảng cáo, bản đồ, video v.v.. Số liệu thu được cho thấy dự án ở Gunung Halimud đã thu hút 80% khách du lịch trong nước và 20% khách quốc tế trong năm 1998. Thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình được chia từ 11% lợi tức của KSM khoảng 178.000 Rupiah /gia đình/năm. Thực tế thu nhập này còn cao hơn nhiều bởi chi tiêu của du khách đến VQG. Còn tại Sula Bali (Gianyar, Bali - Indonesia) – Một khu du lịch nhỏ đã nhận được giải thưởng du lịch “có trách nhiệm với xã hội” tại Berlin (Đức) năm 1996. Đến với Sula Bali ngoài việc

thư giãn, du khách còn có thể học tiếng Indonesia cũng như nghệ thuật truyền thống của Bali như: nghề thủ công, khắc gỗ, nấu ăn v.v.. Họ được coi là một phần của cộng đồng, đôi lại họ phải tặng 1 USD để bảo tồn khi đến làng (Anak Agung Gde Raka Dalem, 2002). Trong các dự án trên thì dự án VQG Gunung Halimung là mô hình điển hình trong việc trao quyền rộng cho cộng đồng địa phương. Còn khu du lịch Sula Bali là hình mẫu trong việc tạo sự hưởng lợi cho cộng đồng.

Một trong những mô hình rất mới mà VN nói chung và VDLBTB nói riêng cần phải xem xét, đó là mô hình quản lý thông qua hiệp hội. Đây là mô hình rất có lợi thế để tiếp nhận tài trợ từ các dự án, tổ chức phi chính phủ... Tại khu bảo tồn cộng đồng Baboon (Belize), dưới sự hỗ trợ trực tiếp của Hiệp hội Audubon Belize, người ta đã thành lập một hội đồng quản lý gồm: đại diện chủ đất, cộng đồng làng và hiệp hội (R.H. Horwich, D.Murray, E. Saqui, J. Lyon and D. Godfrey, 1998). Ngoài ra, người ta cũng thành lập hội đồng cố vấn chủ yếu làm tư vấn cho các hoạt động. Sự tài trợ của chính phủ và các tổ chức trong việc xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ đào tạo, giáo dục, quảng bá... thường thông qua hiệp hội và các dự án phát triển. Các gia đình địa phương đều được khuyến khích có phòng cho thuê. Các dịch vụ khác như đi thuyền, cưỡi ngựa, hướng dẫn viên đều do địa phương cung cấp và được điều phối thông qua nhân viên của khu bảo tồn. Đây là mô hình hoạt động rất thành công trong việc kết hợp: hiệp hội (đóng vai trò quản lý chung); hội đồng tư vấn du lịch (đóng vai trò tư vấn giám sát) và hội đồng quản lý du lịch (điều hành hoạt động). Các mô hình trên là bài học cho VN nói chung và VDLBTB nói riêng trong việc phát triển DLST cộng đồng.

3.5. Giáo dục môi trường cho cộng đồng địa phương

Cho đến nay, các chuyên gia trong lĩnh vực DLST đều thừa nhận vai trò của việc giáo dục môi trường. Nó được xem là một công tác trọng tâm không thể thiếu nhằm phát triển DLST bền vững. Thực tiễn nhiều nước đã cho thấy bên cạnh việc xây dựng các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường thì cần phải phổ biến cho cộng đồng một cách rộng rãi bằng nhiều hình thức như phân phát ấn phẩm, chiếu phim, tranh ảnh, diễn kịch, thông qua diễn giải môi trường

v.v.. Tại Thái Lan, Cục Du lịch Thái (TAT) phối hợp cùng các cơ quan khác đã soạn thảo các tiêu chuẩn cho từng khu vực của DLST như lặn biển, xem chim, đi xe đạp leo núi... Trong đó, họ rất quan tâm đến việc giáo dục ý thức cho cộng đồng địa phương thông qua các trung tâm giáo dục môi trường, các buổi chiếu phim, các ấn phẩm phát không v.v.. Còn nhiều vùng tại Belize thành công trong việc giáo dục môi trường và văn hóa thông qua các chương trình tiếp cận cộng đồng. Điều này đã góp phần khuyến khích sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sự hiểu biết về di sản văn hóa của Belize.

3.6. Làm tốt các mặt công tác khác

Nhằm thúc đẩy việc phát triển DLST dựa vào cộng đồng, nhiều nước đã làm tốt nhiều mặt công tác khác như: Công tác đầu tư cho việc phát triển DLST cộng đồng, công tác quảng bá cho DLST, phát triển các sản phẩm, dịch vụ DLST gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa của địa phương v.v.. nhằm làm cho DLST phát triển hiệu quả và vững hơn.

4. Thực trạng hoạt động DLST dựa vào cộng đồng tại VDLBTB

Thực tế những năm qua, hoạt động du lịch tại VDLBTB rất khởi sắc, nhưng vẫn chỉ phát triển chủ yếu loại hình du lịch văn hoá. Số lượng khách DLST mặc dù có tăng nhưng tốc độ tăng rất chậm (chiếm 22%/tổng số khách đến vùng năm 2010).

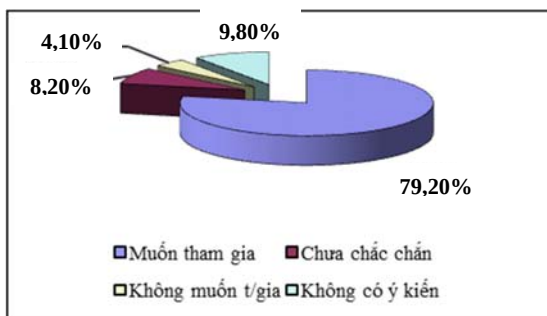
Việc đầu tư hoạt động DLST đã có bước phát triển mạnh trong những năm gần đây. Theo thống kê của tác giả, chỉ tính riêng khu vực Lăng Cô, Cảnh Dương và phụ cận (TT.Huế) đã có 12 dự án đầu tư (tính từ năm 2006 đến 2/2011), số vốn đã và đang đầu tư ước khoảng 11.932 tỉ đồng. Một số mặt công tác như quảng bá, quản lý tài nguyên, giáo dục môi trường cũng đã từng bước được đẩy mạnh. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được, việc phát triển hoạt động DLST tại VDLBTB vẫn còn rất nhiều bất cập như chưa mang đầy đủ những đặc trưng vốn có của nó và đã bắt đầu bộc lộ những yếu kém, gây tác động xấu đến môi trường, cảnh quan. Đặc biệt, tại nhiều điểm tài nguyên, hoạt động DLST vẫn chưa được sự ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên, môi trường.

Bảng 1. Số lượng khách DLST đến VDLBTB từ 2005 – 2010

CHỈ TIÊU	ĐVT	2005	2008	2009	2010	TĐTTBQ
Tổng số khách DLST	Ngàn người	996,8	2.194,5	1.801,7	2.372,5	1,19
Khách quốc tế	Ngàn người	367	735,7	597	813,7	1,11
Khách nội địa	Ngàn người	620,8	1.458,8	1.204,7	1.558,8	1,20
So với tổng số khách DL	%	16,1	23,8	19,8	22	-

Nguồn: Số liệu của các địa phương và tổng hợp của tác giả

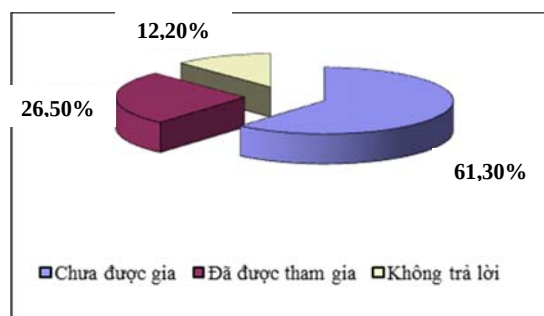
Vào năm 2010, kết hợp với cuộc điều tra đặc điểm khách DLST, tác giả đã đưa thêm những câu hỏi về nhu cầu DLST gắn với cộng đồng đối với du khách (1.216 mẫu). Trong phần câu hỏi để tìm hiểu mong muốn của khách tham gia tìm hiểu sinh hoạt của cộng đồng địa phương hay không. Và câu hỏi khách đã được tham gia tìm hiểu sinh hoạt của cộng đồng hay chưa. Kết quả điều tra được thể hiện tại Hình 1 và 2.



Hình 1. Mong muốn của du khách tham gia tìm hiểu sinh hoạt của cộng đồng địa phương

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả

Trong phần điều tra về cảm nhận của du khách về sự tham gia của cộng đồng địa phương, có 956 phiếu (78,6%) khách trả lời, còn lại khách không có ý kiến (Hình 3). Điều này đã phản ánh mức độ tham gia của cộng đồng biểu hiện thông qua cảm nhận của du khách là rất thấp. Ngoài ra, tác giả đã điều tra 248 hộ tại một số điểm tài nguyên tự nhiên trong vùng. Kết quả điều tra thể hiện tại Hình 4 cho thấy rất nhiều hộ không có thu nhập từ du lịch, một số hộ khác thu nhập từ du lịch đem lại không đáng kể. Hầu hết các hộ có thu nhập từ du lịch đều không cho biết cụ thể thu nhập của mình.

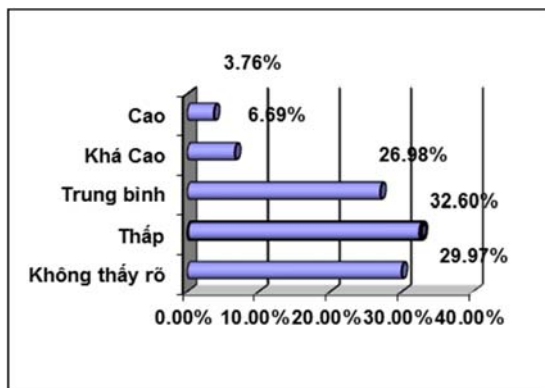


Hình 2. Về tiếp cận của du khách tìm hiểu sinh hoạt của cộng đồng địa phương

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả

Trong phần tìm hiểu việc thu hút người địa phương vào làm việc tại các doanh nghiệp du lịch, kết quả khảo sát tại 12 khu du lịch vào đầu năm 2011 cho thấy: việc thu hút người địa phương vào làm việc ở nhiều khu du lịch tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2008 đến 2010 giao động từ 1,14 đến 1,41 lần (tùy từng doanh nghiệp). Trong đó, có một số doanh nghiệp có tỉ lệ thu hút lao động địa phương rất cao, điều này sẽ giúp giảm chi phí lao động cho đơn vị. Trường hợp cụ thể là Khu nghỉ mát Lăng Cô (Thừa Thiên Huế) - được thành lập từ năm 2002, đến nay Khu nghỉ mát Lăng Cô đã trở thành một địa chỉ hấp dẫn du khách với tổng số khách năm 2010 là 24.422 (lượt khách). Hiện tại số lượng lao động tại đơn vị hơn 120 người. Tỉ lệ sử dụng lao động địa phương qua các năm thể hiện qua Hình 5.

Tỉ lệ lao động địa phương của khu du lịch năm 2010 chiếm 93,6%/tổng số lao động, còn lại từ các nơi khác đến, chủ yếu là cán bộ quản lí. Trường hợp của Khu nghỉ mát Lăng Cô là khá điển hình trong

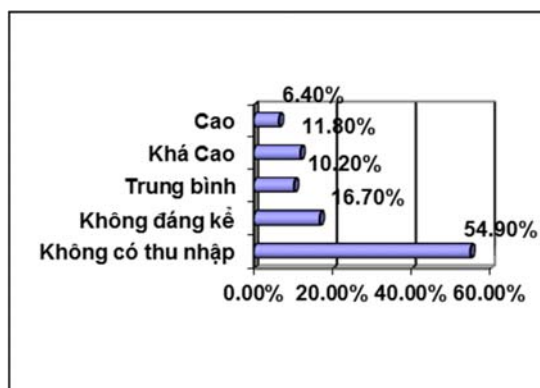


Hình 3. Cảm nhận của du khách về sự tham gia của cộng đồng

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả

việc tạo việc làm cho cộng đồng, do đơn vị đã có chiến lược trong việc đào tạo nguồn nhân lực lâu dài ngay từ ngày đầu thành lập. Còn tại nhiều đơn vị du lịch khác trong VDLBTB thì tỉ lệ này đang còn thấp do nhiều nguyên nhân như khó khăn trong việc tuyển dụng lao động địa phương do hạn chế về trình độ, hạn chế về nguồn kinh phí đào tạo v.v...

Kết quả điều tra của tác giả tại 8 doanh nghiệp lữ hành có khai thác các chương trình DLST khá mạnh trong vùng thì rất ít chương trình (tour) DLST được khai thác liên quan đến cộng đồng địa phương, số chương trình khai thác chiếm 9,3%/tổng số chương trình giới thiệu (thống kê năm 2009 đến tháng 3/2010). Kết hợp với số liệu thu được từ điều tra du khách, chỉ có 41,3% (503/1.216 phiếu) khách trả lời đã biết các chương trình DLST cộng đồng thông qua sự giới thiệu của các công ty lữ hành; riêng đối với khách quốc tế tỉ lệ này là 36,8% (173/468 khách quốc tế được điều tra). Số liệu trên mặc dù chưa toàn

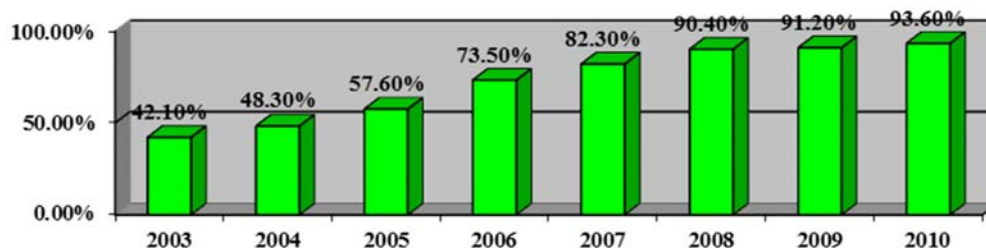


Hình 4. Thu nhập từ du lịch đối với cộng đồng

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả

diện nhưng đã phần nào phản ánh việc tổ chức các chương trình (tour) DLST cộng đồng tại VDLBTB vẫn chưa được quan tâm và quảng bá tốt. Trong phần phỏng vấn nhanh với 16 chuyên gia và cán bộ làm công tác liên quan đến DLST thì chỉ có 02 người trả lời là có sự gắn kết giữa du lịch và cộng đồng ở mức trung bình, còn lại là ở mức thấp và chưa có biểu hiện rõ.

Qua kết quả điều tra trên, mặc dù chưa đầy đủ nhưng cũng cho thấy bức tranh khái quát về hoạt động DLST ở VDLBTB vẫn chưa gắn với cộng đồng địa phương một cách rõ nét; lợi ích mang lại cho cộng đồng chưa cao và chưa được phân phối đồng đều; các chương trình (tour) du lịch giới thiệu đến du khách chưa được quan tâm và phát triển; việc tạo giá trị hưởng lợi, đem lại việc làm cho cộng đồng như trường hợp của Khu nghỉ mát Lăng Cô chưa nhiều. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự hấp dẫn cũng như tính bền vững của hoạt động



Hình 5. Tỉ lệ sử dụng lao động địa phương tại Khu nghỉ mát Lăng Cô – Huế

Nguồn: Số liệu của Khu nghỉ mát Lăng Cô

DLST. Từ thực tế trên, tác giả thiết nghĩ đã đến lúc cần phải nghiên cứu, tập trung đầu tư cho việc phát triển DLST dựa vào cộng đồng tại VDLBTB.

5. Các đề xuất phát triển DLST dựa vào cộng đồng VDLBTB

Từ thực tiễn kinh nghiệm triển khai DLST dựa vào cộng đồng và thực tế tại địa bàn tác giả đưa ra một số bài học kinh nghiệm và đề xuất cho VDLBTB như sau:

5.1. Xây dựng các chính sách và nguyên tắc chỉ đạo phát triển DLST dựa vào cộng đồng

Đây là một trong những vấn đề rất cơ bản, làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển DLST gắn với cộng đồng. Để hoạt động DLST cộng đồng tại VDLBTB phát triển trước hết cần phải xây dựng một cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động này. Các chính sách cần ban hành trước mắt như xây dựng hướng dẫn cho DLST dựa vào cộng đồng, các chính sách liên quan đến việc triển khai quy hoạch, bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa của cộng đồng, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp du lịch mang lại lợi ích cho cộng đồng v.v... Bên cạnh đó, cần nhanh chóng ban hành các “nguyên tắc chỉ đạo” cho DLST cộng đồng, trong đó tập trung vào các vấn đề sau: (1) Hỗ trợ các chương trình bảo tồn thiên nhiên; (2) Mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương; (3) Bảo tồn các giá trị văn hóa-xã hội của cộng đồng; và (4) Tuân thủ các quy định liên quan đến du lịch và bảo tồn môi trường.

5.2. Triển khai các quy hoạch DLST gắn với cộng đồng

Việc xây dựng quy hoạch tại VDLBTB, đặc biệt tại các điểm tài nguyên tự nhiên nên đứng trên quan điểm trao quyền hạn với quy mô rộng cho địa phương. Để làm được điều này, quy hoạch DLST tại VDLBTB phải dựa trên nguyên tắc hướng đến cộng đồng. Cụ thể theo tác giả, quy hoạch phải dựa vào các nguyên tắc sau: (1) Có sự tham gia của cộng đồng địa phương; (2) Quy hoạch phải hướng đến việc bảo tồn tài nguyên và văn hóa cộng đồng; (3) Tận dụng tài nguyên vốn có và vật liệu của địa phương; (4) Thiết kế mô hình phù hợp với cảnh quan và đặc điểm của cộng đồng; và (5) Tính đến sự bền vững lâu dài và đảm bảo lợi ích của cộng đồng.

5.3. Hỗ trợ công tác đào tạo nghề phục vụ DLST

Nhằm nâng cao vai trò và sự tham gia của cộng đồng trong phát triển DLST, cần có sự tham gia của Nhà nước, các ban ngành, doanh nghiệp trong việc hỗ trợ và nâng cao công tác đào tạo nghề cho cộng đồng địa phương. Việc đào tạo, hỗ trợ cộng đồng tại các điểm tài nguyên VDLBTB rất cần các khóa đào tạo như hướng dẫn viên địa phương, nấu ăn và phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch... Đặc biệt cần có sự hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào công tác này. Ngoài ra, các địa phương trong VDLBTB cần có chính sách chuẩn bị đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ quản lý cho DLST, trong đó ưu tiên con em ở các địa phương nhằm chuẩn bị cho tương lai lâu dài.

5.4. Triển khai các mô hình quản lý DLST dựa vào cộng đồng phù hợp

Qua nghiên cứu các mô hình trên thế giới và thực tế tại địa bàn VDLBTB, tác giả đề xuất phương án đối với các khu thiên nhiên hoang dã, khu bảo tồn, vườn quốc gia v.v... nên tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân (Participatory approach). Riêng đối với các khu du lịch, khách sạn, khu giải trí... do các doanh nghiệp đầu tư tại các điểm tài nguyên thì nên có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp mang lại lợi ích cho cộng đồng (Beneficial approach) như tiếp nhận người địa phương vào làm việc, sử dụng các sản phẩm địa phương, phát triển các sản phẩm phục vụ du khách do cộng đồng phục vụ (biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hướng dẫn nấu món ăn địa phương, dạy nghề thủ công...) v.v... Nên nghiên cứu thành lập các mô hình kiểu như “hợp tác xã dịch vụ” nhằm phân phối lợi ích cho cộng đồng. Đặc biệt, cần thành lập hiệp hội DLST tại VDLBTB nhằm hỗ trợ cho các công tác đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm, quảng bá, thông tin về DLST... cũng như tạo lợi thế trong việc tiếp nhận, chuyển giao các dự án tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước về phát triển DLST.

5.5. Đẩy mạnh công tác giáo dục môi trường cho cộng đồng

Chương trình giáo dục phải dựa trên nhiều hình thức, bởi vì không thể lúc nào cũng dễ dàng tập trung cộng đồng dân cư lại một chỗ. Bên cạnh các hình thức như phân phát ấn phẩm, tổ chức các buổi

nói chuyện, phát động các phong trào bảo vệ môi trường...thì việc giáo dục nên sử dụng những hình thức dễ hiểu, dễ nhớ như: chiếu phim, tranh ảnh, các chương trình biểu diễn văn nghệ...Thực tiễn ở nước ta nói chung và VDLBTB nói riêng, cần phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể và các hội như Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Nông dân v.v... trong công tác tuyên truyền, giáo dục môi trường và bảo vệ nguồn tài nguyên.

5.6. Đẩy mạnh việc đầu tư cho DLST và làm tốt các mặt công tác khác

Nhà nước và các địa phương trong vùng cần có chính sách đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho DLST cũng như hỗ trợ công tác nghiên cứu tài nguyên, hỗ trợ phát triển các nghề thủ công truyền thống của cộng đồng địa phương v.v... Bên cạnh đó cần làm tốt các mặt công tác khác như công tác quảng bá cho DLST, phát triển các sản phẩm, dịch vụ DLST gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa truyền thống của địa phương v.v...

6. Kết luận

Phát triển DLST dựa vào cộng đồng sẽ góp phần tích cực trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững các hoạt động du lịch tại VDLBTB. Để làm được điều này, việc thực hiện đồng bộ các mặt từ đề ra cơ chế chính sách, làm tốt công tác quy hoạch gắn với cộng đồng, công tác đào tạo, tổ chức các mô hình hợp lý, công tác giáo dục môi trường và hỗ trợ trong các mặt công tác khác là rất cần thiết. Nhà nước, ngành du lịch cùng các địa phương trong VDLBTB cần nhanh chóng ban hành các chính sách và nguyên tắc chỉ đạo cho DLST nhằm làm nền tảng để triển khai các mặt công tác khác. Chính sách và nguyên tắc chỉ đạo nên hướng đến việc trao quyền rộng và mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Trong quá trình tổ chức và phát triển hoạt động DLST, cần tiếp tục nghiên cứu các phương pháp quản lý phù hợp với từng điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng điểm tài nguyên. Có như vậy việc phát triển hoạt động DLST tại VDLBTB mới đảm bảo được tính bền vững và đạt được những mục tiêu đề ra, góp phần thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch nước nhà■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anak Agung Gde Raka Dalem (2002), "Ecotourism in Indonesia, Chapter Ten", *Linking Green Productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO - Tokyo.
- Andy Drunm (1998), "Những tiếp cận mới về quản lý DLST dựa vào cộng đồng", *DLST - hướng dẫn cho nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập 2, Cục Môi trường, Hà Nội.
- Lifestyles of Health and Sustainability – LOHAS (2005), *LOHAS - Consumer Trends Database*, www.lohas8.com/market/index.html truy cập ngày 12/3/2009.
- Mohd Nawayai Yasak (1998), "Development of ecotourism in Malaysia", *Report of Department of Wildlife and National Park Malaysia*, Malaysia.
- Nguyễn Quyết Thắng (2010), "Indonesia – Phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng", *Tạp chí Du lịch VN*, Số 6/2010, tr 38 → 40.
- Nguyễn Quyết Thắng (2011), *Giải pháp phát triển DLST cho VDLBTB* - Hội thảo khoa học lần thứ IV Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM ngày 29/4/2011, TP.HCM.
- R.H. Horwich, D.Murray, E. Saqui, J. Lyon and D. Godfrey (1998), "DLST và phát triển cộng đồng – Quan điểm của Belize", *DLST - Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý*, Tập1, Cục Môi trường, Hà Nội.
- Tăng Thị Duyên Hồng (2007), "Phát triển DLST cộng đồng khu vực ven biển VN", *Tạp chí Du lịch VN*, Số 9/2007, tr 25 – 26.
- The International Ecotourism Society- TIES (2006), *TIES Global Ecotourism Fact Sheet*, Published by TIES, Washington, USA.
- Trần Thị Mai (2005), *Du lịch cộng đồng - DLST*, Tài liệu hướng dẫn do tổ chức Panda và WWF Greater Mekong phát hành 11/2005, Huế.
- VunsadetThavarasukha (2002)," Ecotourism Case Studies in Thailand", *Linking Green Productivity to Ecotourism: Experiences in the Asia Pacific Region*, APO - Tokyo.